

Số: /TTr-UBND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

Dự thảo

TỜ TRÌNH

Về dự thảo Nghị quyết quy định cơ chế quản lý, cơ chế tài chính và chính sách đầu tư đối với cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn thành phố Đồng Nai

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Nai

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15; Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP; căn cứ Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16 và các quy định pháp luật có liên quan, Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai kính trình Hội đồng nhân dân thành phố dự thảo Nghị quyết quy định cơ chế quản lý, cơ chế tài chính và chính sách đầu tư đối với cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn thành phố Đồng Nai như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16 tạo cơ sở pháp lý để thành phố chủ động xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển. Tại điểm a khoản 1 Điều 27, Luật giao Hội đồng nhân dân thành phố quy định cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, sử dụng tài sản công, huy động nguồn lực xã hội hóa của cơ sở giáo dục có nhiều cấp học, cơ sở giáo dục chất lượng cao, cơ sở thực hiện liên kết giáo dục và mô hình trường tiên tiến, hiện đại. Trên cơ sở nhu cầu thực tiễn và phạm vi chính sách lựa chọn trong giai đoạn này, dự thảo Nghị quyết chỉ cụ thể hóa nội dung về cơ chế quản lý, cơ chế tài chính đối với 03 nhóm cơ sở giáo dục công lập: cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao; cơ sở giáo dục công lập thực hiện liên kết giáo dục với nước ngoài; cơ sở giáo dục công lập thực hiện mô hình trường tiên tiến, hiện đại; không quy định cơ chế riêng đối với cơ sở giáo dục công lập có nhiều cấp học thông thường. Dự thảo không quy định cơ chế riêng về sử dụng tài sản công và huy động nguồn lực xã hội hóa; các nội dung này tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành. Việc giới hạn ở cơ sở giáo dục công lập nhằm tập trung xử lý các quan hệ quản lý và tài chính gắn với đơn vị sự nghiệp công lập và ngân sách nhà nước; cơ sở ngoài công lập tiếp tục thực hiện theo pháp

luật chuyên ngành. Các nội dung về liên kết giáo dục, tiêu chí, điều kiện bảo đảm chất lượng và các vấn đề thuộc thẩm quyền của cơ quan khác được thực hiện theo pháp luật hiện hành; dự thảo Nghị quyết không quy định thay hoặc làm phát sinh thẩm quyền mới.

Đồng thời, điểm a khoản 2 Điều 38 Luật Phát triển đô thị cho phép Hội đồng nhân dân thành phố quy định chính sách và việc sử dụng ngân sách thành phố để hỗ trợ, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở giáo dục, đào tạo trọng điểm trên địa bàn thành phố. Dự thảo Nghị quyết chỉ thực hiện nội dung này, không quy định chính sách theo điểm d khoản 2 Điều 38 Luật Phát triển đô thị.

Bên cạnh đó, Luật Giáo dục, Luật Nhà giáo, Luật Giáo dục nghề nghiệp, Luật Giáo dục đại học, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thi hành đã quy định các nguyên tắc về tổ chức hoạt động giáo dục; tuyển dụng, sử dụng, quản lý nhà giáo; cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; chính sách học phí và giá dịch vụ; quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước; quản lý, sử dụng tài sản công; đầu tư công và các nguồn lực hợp pháp cho giáo dục, đào tạo. Các nội dung về sử dụng tài sản công, tài trợ, viện trợ và xã hội hóa tiếp tục thực hiện theo pháp luật hiện hành, không được thiết kế thành cơ chế đặc thù riêng trong dự thảo Nghị quyết này.

Các Nghị định số 73/2026/NĐ-CP, số 60/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 111/2025/NĐ-CP và số 238/2025/NĐ-CP tiếp tục cụ thể hóa cơ chế ngân sách, tự chủ tài chính, học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Đây là các căn cứ cần được áp dụng đồng bộ khi xây dựng cơ chế của thành phố.

Tuy nhiên, để triển khai các nội dung thuộc thẩm quyền Hội đồng nhân dân thành phố tại điểm a khoản 1 Điều 27 và điểm a khoản 2 Điều 38 Luật Phát triển đô thị, phù hợp điều kiện thực tiễn của thành phố Đồng Nai, cần có quy định về phạm vi, đối tượng, nguyên tắc, cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, chính sách đầu tư, nguồn kinh phí và trách nhiệm tổ chức thực hiện. Nghị quyết không tạo thẩm quyền mới, không quy định thay nội dung thuộc thẩm quyền của cơ quan nhà nước khác và không mở rộng sang chính sách tại điểm d khoản 2 Điều 38. Vì vậy, việc ban hành Nghị quyết là có cơ sở pháp lý, đúng thẩm quyền và cần thiết.

2. Cơ sở thực tiễn

Thành phố Đồng Nai đang trong quá trình phát triển mạnh về quy mô đô thị, công nghiệp, dịch vụ, khoa học, công nghệ và nguồn nhân lực. Quá trình phát triển đặt ra yêu cầu ngày càng cao đối với chất lượng giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và đào tạo nguồn nhân lực.

Hiện nay, mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn thành phố gồm 1.342 cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông (1.102 trường công lập, 240 trường ngoài công lập); trong đó có 534 trường mầm non (335 trường công lập, 199 trường ngoài công lập), 399 trường tiểu học (392 trường công lập, 07 trường ngoài công lập), 293 trường phổ thông có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (289 trường công lập, 04 trường ngoài công lập), 116 trường phổ thông có cấp trung học phổ thông (86 trường công lập, 30 trường ngoài công lập).

Mạng lưới trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên hiện có 03 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên với 15 phân hiệu tại các khu vực. Trên địa bàn thành phố có 45 cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp (11 trường cao đẳng và 01 phân hiệu trường cao đẳng, 07 trường trung cấp và 01 phân hiệu trường trung cấp, 13 trung tâm giáo dục nghề nghiệp, 12 doanh nghiệp tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp quy mô nhỏ), 05 trường đại học và 04 phân hiệu trường đại học.

Tổng số trẻ em, học sinh, học viên toàn thành phố là 1.064.793 người, trong đó: mầm non 199.062 trẻ (công lập: 98.773 trẻ); tiểu học 398.950 học sinh (công lập: 386.505 học sinh); trung học cơ sở 307.005 học sinh (công lập: 293.221 học sinh); trung học phổ thông 125.050 học sinh (công lập: 98.451 học sinh); giáo dục thường xuyên 34.726 học viên. Tổng số người học tại các cơ sở công lập thuộc 04 cấp mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông là 876.950 người.

Thực tiễn quản lý và phát triển giáo dục, đào tạo trên địa bàn cho thấy một số vấn đề cần được giải quyết:

Thứ nhất, nhu cầu của người dân đối với cơ sở giáo dục chất lượng cao, trường tiên tiến, hiện đại, chương trình tăng cường ngoại ngữ, khoa học, công nghệ, kỹ năng số và hội nhập quốc tế ngày càng tăng; trong khi cơ chế tổ chức, quản trị và tài chính đối với các mô hình này cần được quy định cụ thể, thống nhất.

Thứ hai, một số cơ sở giáo dục công lập có điều kiện về đội ngũ, cơ sở vật chất và năng lực quản trị có khả năng phát triển theo mô hình chất lượng cao, tiên tiến, hiện đại, nhưng cần cơ chế phù hợp để phát huy quyền chủ động gắn với trách nhiệm giải trình và kiểm soát chất lượng.

Thứ ba, nhu cầu liên kết giáo dục với nước ngoài tại các cơ sở giáo dục công lập ngày càng lớn; cần bảo đảm nguyên tắc tự nguyện, công khai, minh bạch, bảo đảm chất lượng, hạch toán riêng và phân định rõ phần ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định với phần kinh phí của chương trình liên kết được bảo đảm từ nguồn thu của chương trình và nguồn tài chính hợp pháp của cơ sở giáo dục.

Thứ tư, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giáo dục, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao tại một số cơ sở chưa

đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, công nghệ cao, công nghệ chiến lược và nhu cầu nhân lực của doanh nghiệp.

Thứ năm, việc sử dụng nguồn lực đầu tư cho giáo dục, đào tạo cần chuyển mạnh theo hướng có trọng tâm, trọng điểm, gắn với ngành, nghề, lĩnh vực ưu tiên, mục tiêu và chỉ tiêu đầu ra, hiệu quả sử dụng vốn; đồng thời tránh trùng lặp, dàn trải và bảo đảm phù hợp khả năng cân đối ngân sách.

Thứ sáu, cần hình thành cơ sở pháp lý thống nhất để các cơ sở giáo dục công lập thuộc phạm vi Nghị quyết chủ động hơn trong quản trị, phát triển đội ngũ, sử dụng nguồn lực, tổ chức chương trình, dịch vụ giáo dục và chịu trách nhiệm giải trình về chất lượng giáo dục, tài chính và hiệu quả sử dụng nguồn lực.

Từ những cơ sở nêu trên, việc ban hành Nghị quyết quy định cơ chế quản lý, cơ chế tài chính và chính sách đầu tư đối với cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn thành phố Đồng Nai là cần thiết, phù hợp yêu cầu thực tiễn và định hướng phát triển thành phố trong giai đoạn mới.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành Nghị quyết

a) Cụ thể hóa các nội dung về cơ chế quản lý, cơ chế tài chính thuộc điểm a khoản 1 Điều 27 và chính sách quy định tại điểm a khoản 2 Điều 38 Luật Phát triển đô thị theo phạm vi thành phố lựa chọn.

b) Tạo hành lang pháp lý cho việc phát triển cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao, cơ sở giáo dục công lập thực hiện liên kết giáo dục với nước ngoài và cơ sở giáo dục công lập thực hiện mô hình trường tiên tiến, hiện đại.

c) Tăng quyền chủ động của cơ sở giáo dục trong phạm vi thẩm quyền được giao, gắn với trách nhiệm giải trình, công khai, minh bạch, kiểm soát chất lượng và hiệu quả sử dụng nguồn lực.

d) Phân định rõ trách nhiệm bảo đảm của ngân sách nhà nước đối với nội dung giáo dục bắt buộc và trách nhiệm tự cân đối đối với chương trình, dịch vụ giáo dục tự nguyện, chương trình liên kết giáo dục với nước ngoài.

đ) Tạo cơ sở để thành phố tập trung nguồn lực hỗ trợ, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở giáo dục, đào tạo trọng điểm, gắn với mục tiêu, nhiệm vụ và kết quả đầu ra.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết

a) Bảo đảm đúng thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố tại điểm a khoản 1 Điều 27 và điểm a khoản 2 Điều 38 Luật Phát triển đô thị; đồng thời không quy định thay hoặc làm phát sinh thẩm quyền của cơ quan nhà nước khác theo pháp luật hiện hành.

b) Không quy định lại những nội dung đã được văn bản cấp trên quy định đầy đủ; chỉ cụ thể hóa các vấn đề được Luật giao hoặc cần thiết để tổ chức thực hiện thống nhất trên địa bàn thành phố.

c) Bảo đảm quyền học tập và cơ hội tiếp cận giáo dục; tạo điều kiện để trẻ em mầm non, học sinh thuộc đối tượng được hưởng chính sách xã hội đang theo học tại cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao, cơ sở giáo dục công lập thực hiện mô hình trường tiên tiến, hiện đại được tiếp cận các hoạt động giáo dục phù hợp theo quy định và khả năng nguồn lực của đơn vị; chương trình, dịch vụ giáo dục ngoài nội dung giáo dục bắt buộc và chương trình liên kết giáo dục với nước ngoài thực hiện trên nguyên tắc tự nguyện, công khai, minh bạch.

d) Phát huy quyền tự chủ của cơ sở giáo dục nhưng phải trong phạm vi thẩm quyền, mức độ tự chủ và đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; gắn với trách nhiệm giải trình, kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả.

đ) Việc sử dụng ngân sách phải đúng mục tiêu, đúng nhiệm vụ chi, phù hợp khả năng cân đối, có trọng tâm, trọng điểm; không trùng lặp, dàn trải, thất thoát, lãng phí.

e) Ưu tiên nguồn lực cho các nhiệm vụ, ngành, nghề, lĩnh vực gắn với định hướng phát triển kinh tế - xã hội, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, công nghệ cao, công nghệ chiến lược và nhu cầu nhân lực của thành phố.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-TTHĐND ngày 11 tháng 9 năm 2026 của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố về việc phê duyệt danh mục Nghị quyết quy phạm pháp luật dự kiến ban hành triển khai Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16;

Thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố tại Văn bản số 9275/UBND-TH ngày 14 tháng 9 năm 2026 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-TTHĐND ngày 11/9/2026 của Thường trực HĐND thành phố, theo đó, Ủy ban nhân dân thành phố giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị có liên quan và UBND các xã, phường nghiên cứu, xây dựng dự thảo Nghị quyết Quy định cơ chế quản lý, cơ chế tài chính và chính sách đầu tư đối với cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

Quá trình xây dựng và hoàn thiện dự thảo được thực hiện theo các bước sau:

1. Rà soát Luật Phát triển đô thị và các quy định pháp luật về giáo dục, nhà giáo, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học, ngân sách nhà nước, tự chủ đơn vị sự

nghiệp công lập, quản lý, sử dụng tài sản công, đầu tư công, học phí, liên kết giáo dục với nước ngoài và các quy định có liên quan.

2. Khảo sát, tổng hợp tình hình hoạt động, cơ sở vật chất, nguồn lực tài chính và nhu cầu phát triển của các cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn thành phố.

3. Nghiên cứu kinh nghiệm xây dựng chính sách tại một số địa phương, trọng tâm là Nghị quyết số 28/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội và dự thảo Nghị quyết của Thành phố Hồ Chí Minh về cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, chính sách đầu tư đối với cơ sở giáo dục và đào tạo; tiếp thu có chọn lọc kỹ thuật thiết kế chính sách, cơ chế quản trị, tài chính, đầu tư phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, cơ cấu mạng lưới giáo dục, khả năng cân đối ngân sách và thẩm quyền của thành phố Đồng Nai. Các nội dung tham khảo không được sử dụng thay thế căn cứ pháp lý trực tiếp của dự thảo Nghị quyết.

4. Tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản đối với các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường; các cơ sở giáo dục, đào tạo và các cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu tác động trực tiếp của dự thảo theo quy định.

5. Đăng tải dự thảo để lấy ý kiến theo quy định từ ngày ... đến ngày ...; tổng số ý kiến nhận được ..., trong đó ... ý kiến thống nhất, ... ý kiến góp ý.

6. Tổng hợp, nghiên cứu, tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý và hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo.

7. Sau khi tổng hợp, tiếp thu ý kiến góp ý, gửi Sở Tư pháp thẩm định theo quy định; trên cơ sở kết quả thẩm định của Sở Tư pháp thành phố tại Văn bản số .../STP-XDPBPL ngày...tháng ...năm 2026, sở Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu, tiếp thu, giải trình và hoàn chỉnh dự thảo.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Dự thảo Nghị quyết quy định cơ chế quản lý, cơ chế tài chính đối với 03 nhóm cơ sở giáo dục công lập thuộc phạm vi quản lý của thành phố Đồng Nai:

- Cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao;
- Cơ sở giáo dục công lập thực hiện liên kết giáo dục với nước ngoài;
- Cơ sở giáo dục công lập thực hiện mô hình trường tiên tiến, hiện đại.

Đồng thời, dự thảo quy định chính sách và việc sử dụng ngân sách thành phố để hỗ trợ, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở giáo dục, đào tạo trọng điểm trên địa bàn thành phố theo điểm a khoản 2 Điều 38 Luật Phát triển đô thị; không thực hiện chính sách quy định tại điểm d khoản 2 Điều 38 Luật này.

Đối tượng áp dụng gồm người học tại các cơ sở giáo dục công lập thuộc phạm vi Nghị quyết; các cơ sở giáo dục công lập thuộc 03 nhóm nêu trên; cơ sở

giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học được xác định là cơ sở giáo dục, đào tạo trọng điểm; cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Bộ cục của dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết gồm 03 Chương, 14 Điều, cụ thể:

- Chương I - Những quy định chung: gồm 04 Điều (Điều 1 đến Điều 4), quy định phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, giải thích từ ngữ và nguyên tắc áp dụng;

- Chương II - Quy định cụ thể: gồm 07 Điều (Điều 5 đến Điều 11), được chia thành 03 Mục về cơ chế quản lý, cơ chế tài chính và chính sách đầu tư;

- Chương III - Điều khoản thi hành: gồm 03 Điều (Điều 12 đến Điều 14), quy định nguồn kinh phí, tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành.

3. Nội dung cơ bản

a) Về cơ chế quản lý

Điều 5. quy định cơ chế quản lý đối với cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao theo hướng phát huy tính chủ động trong tổ chức hoạt động và quản trị nhà trường nhưng không làm thay đổi thẩm quyền về tổ chức bộ máy, công tác cán bộ, viên chức và người lao động đã được pháp luật quy định. Việc tổ chức bộ máy, bổ nhiệm, tuyển dụng, ký kết hợp đồng, sử dụng và quản lý đội ngũ thực hiện theo pháp luật, phân cấp quản lý, mức độ tự chủ và đề án được phê duyệt. Người đứng đầu thực hiện nhiệm vụ về đội ngũ trong phạm vi thẩm quyền; cơ sở giáo dục được huy động chuyên gia, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ, chương trình bổ sung, dịch vụ giáo dục chất lượng cao, chuyển đổi số, hợp tác chuyên môn và hội nhập quốc tế theo quy định. Dự thảo không quy định cơ chế riêng về học bổng, hỗ trợ người học, đãi ngộ hoặc thu hút nhân lực; các nội dung này tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật và chính sách do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Điều 6. quy định cơ chế quản lý đối với cơ sở giáo dục công lập thực hiện mô hình trường tiên tiến, hiện đại; lấy chất lượng giáo dục và sự phát triển toàn diện của người học làm trung tâm; thực hiện quản trị dựa trên dữ liệu, kết quả đầu ra và trách nhiệm giải trình; phát huy phù hợp vai trò của chuyên gia, nhà khoa học, doanh nghiệp, cơ sở nghiên cứu và cộng đồng trong phát triển nhà trường; hằng năm tự đánh giá, đánh giá chỉ tiêu đầu ra, khảo sát mức độ hài lòng, công khai hiệu quả sử dụng nguồn lực và chịu kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ.

Điều 7. quy định các nguyên tắc quản lý đối với cơ sở giáo dục công lập thực hiện liên kết giáo dục với nước ngoài, gồm tự nguyện, công khai, minh bạch, bảo đảm chất lượng và quyền lợi người học, trách nhiệm báo cáo, cập nhật dữ liệu,

kiểm tra, giám sát và hậu kiểm. Các điều kiện, trình tự, thủ tục và thẩm quyền cho phép hoặc phê duyệt chương trình liên kết thực hiện theo pháp luật hiện hành; Nghị quyết không đặt thêm điều kiện, thủ tục hành chính hoặc quy định thay thẩm quyền của cơ quan có thẩm quyền.

b) Về cơ chế tài chính

Điều 8. quy định cơ chế tài chính đối với cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao: ngân sách nhà nước bảo đảm nội dung giáo dục bắt buộc theo quy định; thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc phương thức cung ứng dịch vụ sự nghiệp công phù hợp; đầu tư cơ sở vật chất theo phân cấp, kế hoạch và khả năng cân đối ngân sách; thực hiện cơ chế tự chủ, trích lập và sử dụng quỹ. Đối với học phí chương trình bổ sung và các dịch vụ giáo dục thuộc thẩm quyền Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng, trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định trên cơ sở quy định pháp luật, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí, chất lượng dịch vụ và khả năng đóng góp của người học; dịch vụ tự nguyện phải công khai và không được ngân sách nhà nước mặc nhiên cấp bù phần thiếu hụt.

Điều 9. quy định cơ chế tài chính đối với cơ sở giáo dục công lập thực hiện mô hình trường tiên tiến, hiện đại trên cơ sở áp dụng Điều 8 phù hợp với đề án, mức độ tự chủ và lộ trình được phê duyệt; yêu cầu lập phương án tài chính trung hạn, hằng năm, xác định đầy đủ các nguồn thu, nhu cầu chi; việc xác định học phí, mức thu dịch vụ giáo dục phải phù hợp chất lượng dịch vụ, khả năng cân đối ngân sách và nhu cầu, khả năng đóng góp của người học. Trường hợp phát sinh cơ chế mới thuộc thẩm quyền Hội đồng nhân dân thành phố thì Ủy ban nhân dân thành phố trình xem xét, quyết định.

Điều 10. quy định cơ chế tài chính đối với cơ sở giáo dục công lập thực hiện liên kết giáo dục với nước ngoài: xây dựng phương án tài chính riêng cho từng chương trình; căn cứ định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí, chất lượng dịch vụ và phương án tài chính, Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố quy định giá dịch vụ, mức thu học phí trong trường hợp thuộc thẩm quyền Hội đồng nhân dân thành phố; các trường hợp khác thực hiện theo quy định của pháp luật. Cơ sở giáo dục hạch toán riêng doanh thu, chi phí, kết quả tài chính; công khai, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ kế toán, hóa đơn, thuế và tự cân đối phần thiếu hụt; ngân sách nhà nước không cấp bù cho hoạt động liên kết, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

c) Về chính sách đầu tư

Điều 11. quy định chính sách và việc sử dụng ngân sách thành phố để hỗ trợ, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho cơ sở giáo dục, đào tạo trọng điểm trên địa

bàn thành phố. Chính sách chỉ áp dụng đối với cơ sở đã được xác định là trọng điểm theo quy định của pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, đề án, chương trình hoặc quyết định của cơ quan có thẩm quyền; việc hỗ trợ, đầu tư thực hiện theo đề án, dự án hoặc phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, thứ tự ưu tiên và lộ trình phù hợp khả năng cân đối ngân sách; bảo đảm công khai, minh bạch, không trùng lặp, không dàn trải; gắn với mục tiêu, chỉ tiêu đầu ra, hiệu quả sử dụng vốn, vận hành, bảo trì và đánh giá hiệu quả sau đầu tư.

Điều kiện hỗ trợ, đầu tư được gắn với việc cơ sở đã được xác định là cơ sở giáo dục, đào tạo trọng điểm theo quy định của pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, đề án, chương trình hoặc quyết định của cơ quan có thẩm quyền; đề án, dự án hoặc phương án được phê duyệt; mục tiêu, chỉ tiêu đầu ra; phương án vận hành, bảo trì công trình, trang thiết bị và đánh giá hiệu quả đầu tư. Trách nhiệm sau đầu tư tập trung vào sử dụng kinh phí đúng mục đích; vận hành, bảo trì công trình, trang thiết bị; đánh giá hiệu quả; báo cáo và cung cấp thông tin phục vụ kiểm tra, giám sát.

Nội dung hỗ trợ, đầu tư được giới hạn ở cơ sở vật chất, trang thiết bị trực tiếp phục vụ giáo dục, đào tạo, gồm xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình; máy móc, thiết bị, công nghệ, phần mềm, học liệu số, hạ tầng số, nền tảng dữ liệu và trang thiết bị đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, yêu cầu của chương trình và mục tiêu của đề án, dự án được phê duyệt. Dự thảo không sử dụng tiêu chí “đạt chuẩn khu vực, quốc tế” và không quy định nội dung hiện đại hóa trường cao đẳng theo điểm d khoản 2 Điều 38.

d) Về nguồn kinh phí, tổ chức thực hiện và hiệu lực

Điều 12 xác định 02 nhóm nguồn kinh phí gồm: ngân sách nhà nước theo phân cấp; nguồn tài chính hợp pháp của các cơ sở giáo dục, đào tạo và nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp, dịch vụ theo quy định.

Điều 13 quy định Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai Nghị quyết trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo pháp luật hiện hành; chỉ đạo thực hiện các quy định về liên kết giáo dục, tiêu chí, điều kiện bảo đảm chất lượng; rà soát, tổng hợp danh mục cơ sở giáo dục, đào tạo trọng điểm đã được xác định theo quy định của pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, đề án, chương trình hoặc quyết định của cơ quan có thẩm quyền; xây dựng, trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định theo thẩm quyền mức thu học phí chương trình bổ sung và danh mục, mức thu dịch vụ giáo dục; xác định danh mục, thứ tự ưu tiên, lộ trình, phương án bố trí nguồn lực; kiểm tra, thanh tra, giám sát, hậu kiểm và định kỳ báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố. Cách quy định này không làm phát sinh hoặc chuyển giao lại thẩm quyền đã được pháp luật quy định cho cơ quan nhà nước khác.

Điều 14 quy định thời điểm có hiệu lực của Nghị quyết và xác định Nghị quyết được Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Nai khóa I thông qua tại kỳ họp theo hồ sơ trình. Thời điểm có hiệu lực được hoàn thiện sau khi xác định ngày thông qua, bảo đảm không sớm hơn ngày 01 tháng 10 năm 2026 - thời điểm Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16 có hiệu lực - và tuân thủ pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT GỬI THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ)

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA

1. Dự kiến nguồn lực, điều kiện đảm bảo

Về nguồn kinh phí, việc triển khai thực hiện Nghị quyết được bảo đảm từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành, trong phạm vi dự toán ngân sách và kế hoạch đầu tư công được cấp có thẩm quyền quyết định; nguồn tài chính hợp pháp của các cơ sở giáo dục, đào tạo và nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp, dịch vụ theo quy định.

2. Dự kiến tác động ngân sách

Thực hiện trong phạm vi nhiệm vụ chi giáo dục hiện hành và các cơ chế ngân sách theo quy định: các cơ sở giáo dục, đào tạo công lập thuộc phạm vi Nghị quyết được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí để thực hiện cung cấp dịch vụ giáo dục chương trình giáo dục bắt buộc của chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông quốc gia như các trường công lập đại trà cùng cấp học;

Đối với cơ sở giáo dục công lập thực hiện liên kết với nước ngoài: ngân sách nhà nước không cấp bù kinh phí đối với hoạt động liên kết giáo dục;

Hằng năm căn cứ khả năng cân đối ngân sách, kế hoạch đầu tư công, kế hoạch tài chính - ngân sách và nhiệm vụ được giao, các cơ quan, đơn vị xây dựng nhu cầu kinh phí, tổng hợp vào dự toán hoặc kế hoạch vốn để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Đối với nhu cầu đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị của cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao, cơ sở giáo dục công lập thực hiện mô hình trường tiên tiến, hiện đại, cơ sở giáo dục, đào tạo trọng điểm: mức kinh phí cụ thể được xác định theo từng đề án, dự án, nhiệm vụ, khả năng cân đối ngân sách và quyết định của cấp có thẩm quyền theo từng giai đoạn; Nghị quyết không mặc nhiên làm phát sinh nghĩa vụ bố trí toàn bộ kinh phí trong một năm ngân sách.

3. Nhân lực và tổ chức thực hiện

Việc thi hành Nghị quyết chủ yếu sử dụng nguồn lực hiện có của thành phố, không làm phát sinh tổ chức bộ máy mới.

Các nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao cho các cơ quan chuyên môn và Ủy ban nhân dân cấp xã, phường theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và phân cấp hiện hành.

Các cơ sở giáo dục thực hiện sắp xếp, sử dụng đội ngũ trong phạm vi vị trí việc làm, số lượng người làm việc, mức độ tự chủ, thẩm quyền được giao và nguồn tài chính hợp pháp; việc tuyển dụng, ký hợp đồng, sử dụng nhà giáo, người lao động, chuyên gia thực hiện theo quy định của pháp luật.

4. Thời gian dự kiến thông qua

Dự kiến trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, thông qua tại kỳ họp thường lệ cuối năm 2026.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết quy định cơ chế quản lý, cơ chế tài chính và chính sách đầu tư đối với cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn thành phố Đồng Nai. Ủy ban nhân dân thành phố xin kính trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

Xin gửi kèm theo:

1. Dự thảo Nghị quyết;
2. Báo cáo đánh giá tác động của chính sách;
3. Bản so sánh, thuyết minh dự thảo Nghị quyết với văn bản quy phạm pháp luật hiện hành;
4. Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý;
5. Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp và báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định;
6. Các tài liệu có liên quan khác theo quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND thành phố;
- Ban Văn hóa - Xã hội HĐND thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố;
- Các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Tư pháp, Nội vụ;
- Chánh Văn phòng, các Phó Chánh Văn phòng UBND thành phố;
- Lưu: VT, TH, KTNS, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Trường Sơn